

Bù Đốp, ngày 17 tháng 10 năm 2023

Số: 31/2023/QĐCNHG-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của ông Phạm Văn E, bà Nguyễn Thị D và ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị D.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện dân sự đề ngày 27/10/2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của ông Phạm Văn E.
- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:
 - *Người khởi kiện*: ông Phạm Văn E, năm 1964 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1972; cùng địa chỉ: Ấp T Đ, xã T Th, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.
 - *Người bị kiện*: ông Võ Văn H, sinh năm 1969 và bà Bùi Thị N, sinh năm 1968; cùng địa chỉ: Ấp T H, xã TT, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.
- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 02 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (nếu có).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 01 tháng 11 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 01 tháng 11 năm 2023, cụ thể như sau:

- Ông Võ Văn H và bà Bùi Thị N có nghĩa liên đới vụ trả cho ông Phạm Văn E và bà Nguyễn Thị D 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) tiền gốc và 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) tiền lãi. Tổng số tiền ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị D phải trả cho ông Phạm Văn E và bà Nguyễn Thị D là 540.000.000đ (năm trăm bốn mươi triệu đồng).

- Ông Phạm Văn E và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho ông Võ Văn H và bà Bùi Thị N 01(một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng số DG 992664 do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 15/8/2022 đứng tên ông Võ Văn H và bà Bùi Thị N, số vào sổ cấp GCN: CS 054447.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7 b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- TAND tỉnh BP;
- VKS nhân dân huyện B Đ;
- Chi cục THADS huyện B Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lâm Thị Chức